

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2018/DS-ST
Ngày 02/5/2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Lê Vũ Huy Hoàng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Ngọc Cận**

2. Ông **Phan Văn Tạo**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Bảo Quốc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thúy Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2017/TLST-DS ngày 27/11/2017 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-DS ngày 29/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/QĐST-DS ngày 13/4/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng X**; Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L, Tòa nhà VC tại đường T, phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/ Ông **Bùi Hữu D**; (vắng mặt)

2/ Ông **Nguyễn Trí C**; (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường 30/4, phường XK, quận NK, thành phố T – theo Giấy ủy quyền số 09/2017/EIB/UQ ngày 10-11-2017 của Giám đốc chi nhánh T.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Tuyết H**; Địa chỉ: khu dân cư C, Khóm 1, Phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NHẬN THẤY

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2017 của Ngân hàng X (sau đây viết tắt là Ngân hàng E) trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ông Bùi Hữu D và ông Nguyễn Trí C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/10/2015, Ngân hàng E chi nhánh T ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1003-LAV-201503635 với bà Trần Thị Tuyết H để cho bà H vay số tiền 150.000.000đ. Mục đích vay để sửa nhà (vay tín chấp cán bộ công nhân viên của Phòng Hậu cần – Kỹ thuật công an tỉnh S), lịch trả nợ gốc và lãi là ngày 10 hàng tháng. Lãi suất vay là 08%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, hình thức bảo đảm nợ vay là tín chấp. Do bà H không thanh toán nợ gốc và lãi theo cam kết của hợp đồng tín dụng nên đến ngày 20/11/2016 khoản nợ vay của bà H đã chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 26/10/2016, bà H còn nợ của Ngân hàng E chi nhánh T số tiền là: nợ gốc 117.500.000đ và nợ lãi là 11.600.000đ.

Nay Ngân hàng E yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Tuyết H thanh toán cho Ngân hàng E số tiền tính đến ngày 02/5/2018 là 140.900.000đ (Một trăm bốn mươi triệu chín trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi bà H thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng theo mức lãi quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử thì thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Bùi Hữu D và ông Nguyễn Trí C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đơn yêu cầu bà Trần Thị Tuyết H trả số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết và thực hiện. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự” theo Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Hợp đồng dân sự theo người đại diện của nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 1003-LAV-201503635 ngày 16/10/2015. Do đó, cần thay đổi quan hệ pháp luật tranh chấp từ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” sang “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[2] Bà Trần Thị Tuyết H là bị đơn, ông Bùi Hữu D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông D.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Ông Nguyễn Trí C là người đại diện của nguyên đơn cho rằng vào ngày 16/10/2015, bà Trần Thị Tuyết H công tác tại Phòng Hậu cần – kỹ thuật Công an tỉnh S có vay tiền của Ngân hàng X – chi nhánh T – phòng giao dịch AP (sau đây viết tắt là Ngân hàng E T) với số tiền là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và cung cấp được Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1003-LAV-201503635 được ký kết giữa Ngân hàng E T với bà Trần Thị Tuyết H. Hội đồng xét xử thấy, tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ và cam kết của người vay ngày 13/10/2015 của họ tên người đề nghị vay là bà Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1983, làm việc tại Phòng Hậu cần – kỹ thuật, Công an tỉnh S đề nghị Ngân hàng E T cho vay số tiền 150.000.000đ, có xác nhận của Công an tỉnh S. Đến ngày 16/10/2015, bên vay là bà H với bên cho vay là Ngân hàng E T ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1003-LAV-201503635 để vay số tiền 150.000.000đ và thực hiện giải ngân vốn vay, mục

đích vay là sửa chữa nhà; thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày 16/10/2015 đến ngày 16/10/2020; trả gốc và lãi đều hàng tháng với số tiền 3.500.000đ, trong đó trả gốc 2.500.000đ và trả lãi 1.000.000đ vào ngày 10 hàng tháng; lãi suất cho vay 8%/năm, lãi suất quá hạn 150% năm mức lãi suất cho vay; ngoài ra, hợp đồng còn quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm các bên. Theo quy định tại Điều 373 Bộ luật Dân sự năm 2005 về hình thức bảo đảm bằng tín chấp thì đây là hợp đồng không vi phạm điều kiện về hình thức, nội dung. Nên phát sinh hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thì ông C là người đại diện Ngân hàng E T thừa nhận bà H đã trả đến ngày 19/01/2017 được tổng số tiền là 46.661.290đ. Trong đó, số tiền gốc là 32.500.000đ và số tiền lãi là 14.161.290đ. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Sau đó bà H không tiếp tục trả nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận. Nên bà H đã vi phạm Điều 3 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1003-LAV-201503635 ngày 16/10/2015. Tổng số tiền gốc bà H còn nợ là 117.500.000đ, tiền lãi trong hạn tính kể từ ngày 20/01/2017 đến ngày xét xử (ngày 02/5/2018) là: $150.000.000đ \times 8\%/năm \times 468 \text{ ngày}/360 \text{ ngày} = 15.600.000đ$ và số tiền lãi quá hạn là 7.800.000đ. Theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 về Hợp đồng vay tài sản thì khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 373; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

Xử: Buộc bà Trần Thị Tuyết H phải trả Ngân hàng X tổng số tiền là 140.900.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu chín trăm nghìn đồng*). Trong đó số tiền nợ gốc là 117.500.000đ (*Một trăm mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*), số tiền lãi là 15.600.000đ (*Mười năm triệu sáu trăm nghìn đồng*) và số tiền lãi quá hạn là 7.800.000đ (*Bảy triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày 03/5/2018, bà Trần Thị Tuyết H phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LAV-201503635 ngày 16/10/2015, cho đến khi bà Trần Thị Tuyết H thi hành xong số tiền vay nợ gốc Ngân hàng X.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết H phải nộp 7.045.000đ (*Bảy triệu bốn mươi năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng X không phải nộp án phí. Hoàn trả Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.227.000đ (*Ba triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008557 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPS;
- Chi cục THADS TPS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng